

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/2025/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 28 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị và Thông tư số  
20/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa  
đổi, bổ sung Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 6 tháng 11 năm 2019  
của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi  
phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử  
dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề,  
công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc,  
độc hại, nguy hiểm;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BXD ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch  
vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ  
thuật dịch vụ cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô  
thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, bao gồm:

1. Duy trì thảm cỏ công viên, vườn hoa, tiểu đảo, dải phân cách;
2. Duy trì cây trang trí (cây hoa, cây cảnh, cây hàng rào);

3. Duy trì cây bóng mát trong đô thị.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng đơn giá và lập, thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí dịch vụ cây xanh đô thị sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Các cơ quan tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Quy định về sử dụng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị**

1. Định mức hao phí vật liệu

a) Định mức hao phí vật liệu là số lượng vật liệu (không kể vật liệu cần dùng cho xe, máy, thiết bị thi công và vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ cây xanh đô thị.

b) Mức hao phí vật liệu quy định tại các định mức trong Quyết định này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

2. Định mức hao phí nhân công

a) Định mức hao phí nhân công là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ cây xanh đô thị. Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ cây xanh đô thị từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

b) Cấp bậc công nhân trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác dịch vụ cây xanh đô thị.

c) Phân loại lao động theo điều kiện lao động

| STT | Công việc                        | Nhóm nhân công                                       |                                                                         |
|-----|----------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |                                  | Nhóm II<br>(điều kiện lao động nặng nhọc, nguy hiểm) | Nhóm III<br>(điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm) |
| 1   | Hạ cây, chặt cành                |                                                      | X                                                                       |
| 2   | Trồng, duy trì, chăm sóc cây, cỏ | X                                                    |                                                                         |

3. Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công là số ca xe, máy, thiết bị thi công trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ cây xanh đô thị.

## **Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị tỉnh Cao Bằng**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác duy trì thảm cỏ công viên, vườn hoa, tiểu đảo, dải phân cách được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác duy trì cây trang trí (cây hoa, cây cảnh, cây hàng rào) được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác duy trì cây bóng mát được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2025.

2. Đối với dự toán chi phí dịch vụ chăm sóc cây xanh đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã được phê duyệt.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hải Hoà**

## **Phụ lục I**

### **ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG TÁC DUY TRÌ THẨM CỎ CÔNG VIÊN, VƯỜN HOA, TIỂU ĐẢO, DẢI PHÂN CÁCH**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 55 /2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm  
2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

#### **CX1.01.00. Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa, tiểu đảo, dải phân cách**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ và thiết bị tưới: Kiểm tra các thiết bị tưới (*hệ thống tưới tự động, vòi tưới, bình tưới cầm tay hoặc hệ thống ống dẫn nước*) đảm bảo rằng các thiết bị hoạt động tốt, không bị hư hỏng hoặc tắc nghẽn.

- Vận chuyển vật liệu, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Xác định lượng nước và thời gian tưới:

Tính toán lượng nước cho từng khu vực như thẩm cỏ công viên, tiểu đảo, dải phân cách dựa trên điều kiện thời tiết, diện tích, loại đất và loại cỏ. Lượng nước tưới không quá 5 lít/m<sup>2</sup>. Số lần tưới trung bình 96 lần/năm. Nước tưới lấy nguồn cung cấp tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.

Lựa chọn thời gian tưới phù hợp (*thường là vào sáng sớm hoặc chiều tối để tránh bốc hơi nước vào ban ngày*).

- Tiến hành tưới nước: Tưới đều trên toàn bộ diện tích thẩm cỏ, tiểu đảo, dải phân cách đảm bảo nước được phân bổ đồng đều.

- Kiểm tra tình trạng thẩm cỏ sau khi tưới: Quan sát tình trạng của thẩm cỏ sau khi tưới để kiểm tra xem nước có thấm đủ xuống rễ hay không. Phát hiện sớm các dấu hiệu của thẩm cỏ bị khô hoặc úng nước và điều chỉnh lượng nước tưới phù hợp.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo độ ẩm phù hợp:

Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước cần thiết cho thẩm cỏ mà không bị dư thừa hoặc thiếu hụt. Sử dụng các thiết bị tưới phù hợp để đảm bảo nước được phân phối đều, không để nước đọng hoặc chảy tràn. Tưới nhẹ nhàng để không làm lộ rễ cỏ. Tránh tưới vào ban trưa khi nhiệt độ cao vì nước dễ bốc hơi và cây cỏ có thể bị sốc nhiệt.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện

**CX1.01.10. Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa**

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác                          | Thành phần hao phí                 | Đơn vị                           | Định mức                    |                               |                              |                                |
|-----------|---------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
|           |                                       |                                    |                                  | Thủ công                    | Máy bơm                       |                              | Ô tô                           |
|           |                                       |                                    |                                  |                             | Động cơ xăng 3CV              | Động cơ điện 1,5KW           |                                |
| CX1.01.10 | Tưới nước thảm cỏ công viên, vườn hoa | <i>Vật liệu:</i>                   | m <sup>3</sup><br><br>công<br>ca | 0,5<br><br>0,12<br><br>0,12 | 0,5<br><br>0,068<br><br>0,061 | 0,5<br><br>0,09<br><br>0,081 | 0,5<br><br>0,099<br><br>0,0297 |
|           |                                       | - Nước                             |                                  |                             |                               |                              |                                |
|           |                                       | <i>Nhân công:</i>                  |                                  |                             |                               |                              |                                |
|           |                                       | - Bậc thợ 3/7 nhóm II              |                                  |                             |                               |                              |                                |
|           |                                       | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> |                                  |                             |                               |                              |                                |
|           |                                       | - Máy bơm nước                     |                                  |                             |                               |                              |                                |
|           |                                       | - Ô tô tưới nước                   |                                  |                             |                               |                              |                                |
|           |                                       | 5 m <sup>3</sup>                   |                                  |                             |                               |                              |                                |
|           |                                       |                                    |                                  | <b>1</b>                    | <b>2</b>                      | <b>3</b>                     | <b>4</b>                       |

**CX1.01.20. Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách**

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác                         | Thành phần hao phí                 | Đơn vị                           | Định mức                      |                               |                               |                               |
|-----------|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|           |                                      |                                    |                                  | Thủ công                      | Máy bơm                       |                               | Ô tô                          |
|           |                                      |                                    |                                  |                               | Động cơ xăng 3CV              | Động cơ điện 1,5KW            |                               |
| CX1.01.20 | Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách | <i>Vật liệu:</i>                   | m <sup>3</sup><br><br>công<br>ca | 0,6<br><br>0,153<br><br>0,153 | 0,6<br><br>0,099<br><br>0,081 | 0,6<br><br>0,108<br><br>0,097 | 0,6<br><br>0,09<br><br>0,0324 |
|           |                                      | - Nước                             |                                  |                               |                               |                               |                               |
|           |                                      | <i>Nhân công:</i>                  |                                  |                               |                               |                               |                               |
|           |                                      | - Bậc thợ 3/7 nhóm II              |                                  |                               |                               |                               |                               |
|           |                                      | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> |                                  |                               |                               |                               |                               |
|           |                                      | - Máy bơm nước                     |                                  |                               |                               |                               |                               |
|           |                                      | - Ô tô tưới nước                   |                                  |                               |                               |                               |                               |
|           |                                      | 5 m <sup>3</sup>                   |                                  |                               |                               |                               |                               |
|           |                                      |                                    |                                  | <b>1</b>                      | <b>2</b>                      | <b>3</b>                      | <b>4</b>                      |

### **CX1.02.00. Phát cỏ**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ và thiết bị cắt cỏ: Kiểm tra các thiết bị (*máy cắt cỏ, phần hoặc liềm*) đảm bảo rằng các thiết bị hoạt động tốt, không bị hư hỏng. Chuẩn bị các dụng cụ như cào, chổi quét (*để gom cỏ sau khi cắt*), bao tải, thùng chứa hoặc xe đẩy (để thu gom và vận chuyển cỏ).

- Vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.

- Thực hiện phát cỏ: Phát cỏ thường xuyên, đảm bảo cỏ luôn bằng phẳng và chiều cao cỏ tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Chiều cao cỏ: Duy trì cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao đồng đều.

- Thời gian phát cỏ: Không phát cỏ trong thời điểm nắng nóng gay gắt để tránh sốc nhiệt cho nhân công và cây trồng. Không phát cỏ ngay sau mưa để tránh đất bị xói mòn.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác | Thành phần hao phí                 | Đơn vị | Định mức |          |
|-----------|--------------|------------------------------------|--------|----------|----------|
|           |              |                                    |        | Thủ công | Máy      |
| CX1.02.00 | Phát cỏ      | <i>Nhân công:</i>                  |        |          |          |
|           |              | - Bậc thợ 3,5/7 nhóm II            | công   | 0,45     | 0,145    |
|           |              | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> |        |          |          |
|           |              | - Máy cắt cỏ động cơ xăng 3 CV     | ca     |          | 0,0603   |
|           |              |                                    |        | <b>1</b> | <b>2</b> |

### **CX1.03.00. Xén lẻ cỏ**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.

- Xén thẳng lẻ cỏ theo chu vi khu vực, theo yêu cầu kỹ thuật. Tần suất thực hiện tùy thuộc vào tốc độ sinh trưởng của cỏ (*không quá 12 lần/năm*).

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Chiều cao của cỏ sau khi xén phải đồng đều, đường cắt thẳng, gọn gàng.
- Tránh xén cỏ quá sát gốc cây hoặc làm hỏng hệ thống tưới tiêu, hệ thống bó vỉa, bồn cây.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

*Đơn vị tính: 100md/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác | Thành phần hao phí                    | Đơn vị | Định mức  |          |
|-----------|--------------|---------------------------------------|--------|-----------|----------|
|           |              |                                       |        | Cỏ lá tre | Cỏ nhung |
| CX1.03.00 | Xén lề cỏ    | Nhân công:<br>- Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 0,30      | 0,45     |
|           |              |                                       |        | <b>1</b>  | <b>2</b> |

#### **CX1.04.00. Làm cỏ tạp**

*\*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ theo yêu cầu kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Không để sót cỏ dại cao, cây bụi nhỏ ảnh hưởng đến cảnh quan.
- Nhổ tận gốc, không để lại phần rễ tái sinh nhanh.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác | Thành phần hao phí                    | Đơn vị | Định mức |
|-----------|--------------|---------------------------------------|--------|----------|
| CX1.04.00 | Làm cỏ tạp   | Nhân công:<br>- Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 0,30     |

#### **CX1.05.00. Trồng dặm cỏ**

*\*Thành phần công việc:*

- Khảo sát khu vực trồng dặm, chọn loại cỏ phù hợp với loại cỏ có sẵn. Kiểm tra điều kiện thời tiết (*không trồng dặm vào mùa mưa lớn để tránh cỏ bị úng hoặc trôi*).
- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Làm đất khu vực trồng dặm: đất trồng cỏ phải tơi xốp, không chứa cỏ dại.

- Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát. Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- Tưới nước ngay sau khi trồng dặm, giữ đất ẩm nhưng không đọng nước.
- Bón phân để kích thích cỏ phát triển (bón phân sau khi trồng từ 7-10 ngày).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

*Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cỏ phải đồng đều về màu sắc, chiều cao và giống với loại cỏ hiện hữu.
- Sau 7-10 ngày, cỏ phải bám rễ chắc vào đất. Sau 2-4 tuần, cỏ phải phát triển đồng đều, phủ kín khu vực trồng dặm.

*Đơn vị tính: 1m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác | Thành phần hao phí      | Đơn vị         | Định mức          |          |
|-----------|--------------|-------------------------|----------------|-------------------|----------|
|           |              |                         |                | Cỏ lá tre, cỏ lạc | Cỏ nhung |
| CX1.05.00 | Trồng dặm cỏ | <i>Vật liệu:</i>        |                |                   |          |
|           |              | - Cỏ                    | kg             | 2,5               | 1,07     |
|           |              | - Nước                  | m <sup>3</sup> | 0,049             | 0,015    |
|           |              | - Phân vi sinh          | kg             | 0,2               | 0,2      |
|           |              | <i>Nhân công:</i>       |                |                   |          |
|           |              | - Bậc thợ 3,5/7 nhóm II | công           | 0,137             | 0,077    |
|           |              |                         |                | <b>1</b>          | <b>2</b> |

**CX1.06.00. Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ**

*\* Thành phần công việc:*

- Khảo sát khu vực cần phun: Xác định loại sâu bệnh hoặc dịch hại ảnh hưởng đến cỏ. Xác định diện tích cần phun để tính toán lượng thuốc. Kiểm tra điều kiện thời tiết (không phun khi có mưa lớn, gió mạnh hoặc nắng quá gắt).
- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc: Chọn thuốc trừ sâu phù hợp, ưu tiên loại thân thiện với môi trường. Kiểm tra hạn sử dụng và chất lượng thuốc trước khi dùng. Kiểm tra máy phun, vòi phun đảm bảo hoạt động tốt.



- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định. Số lần phun thuốc phòng trừ sâu cỏ không vượt quá 6 lần/năm (tùy vào điều kiện và tình hình thực tế lựa chọn số lần phun phù hợp).

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

\* *Yêu cầu kỹ thuật:*

- Phun thuốc đều tránh để chỗ đậm chỗ nhạt, di chuyển theo hàng lối.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn môi trường trong quá trình thực hiện.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác                | Thành phần hao phí                           | Đơn vị | Định mức |
|-----------|-----------------------------|----------------------------------------------|--------|----------|
| CX1.06.00 | Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ | <i>Vật liệu:</i><br>- Thuốc trừ sâu          | lít    | 0,015    |
|           |                             | <i>Nhân công:</i><br>- Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 0,071    |

#### **CX1.07.00. Bón phân cỏ**

\* *Thành phần công việc:*

- Khảo sát tình trạng cỏ để lựa chọn loại phân bón phù hợp. Kiểm tra điều kiện thời tiết (không bón phân khi trời mưa để tránh hiện tượng rửa trôi).

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.

- Rải đều phân trên toàn bộ diện tích cỏ.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

\* *Yêu cầu kỹ thuật:*

- Sau khi bón phân, cỏ phát triển xanh tốt. Đảm bảo không gây mất mỹ quan đô thị và ô nhiễm môi trường.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác | Thành phần hao phí                           | Đơn vị | Định mức |
|-----------|--------------|----------------------------------------------|--------|----------|
| CX1.07.00 | Bón phân cỏ  | <i>Vật liệu:</i><br>- Phân vi sinh           | kg     | 3,0      |
|           |              | <i>Nhân công:</i><br>- Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 0,09     |

**Phụ lục II**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG TÁC**  
**DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ (CÂY HOA, CÂY CẢNH, CÂY HÀNG RÀO)**  
(Ban hành Kèm theo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**CX2.01.00. Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào**

*\* Thành phần công việc:*

- Kiểm tra các thiết bị tưới, đảm bảo rằng các thiết bị hoạt động tốt, không bị hư hỏng hoặc tắc nghẽn. Vận chuyển dụng cụ, vật liệu đến nơi làm việc.

- Tính toán lượng nước phù hợp với từng loại cây và yêu cầu cụ thể của từng khu vực. Lượng nước tưới không quá 5 lít/m<sup>2</sup>. Số lần tưới trung bình 96 lần/năm. Nước tưới lấy nguồn cung cấp tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước. Lựa chọn thời gian tưới phù hợp (*thường là vào sáng sớm hoặc chiều tối để tránh bốc hơi nước vào ban ngày*). Tưới đều và đủ nước cho bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào, đảm bảo nước được phân phối đồng đều vào rễ cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật*

- Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước cần thiết cho cây sinh trưởng tốt.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác                              | Thành phần hao phí                 | Đơn vị                           | Định mức                      |                               |                              |                             |
|-----------|-------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
|           |                                           |                                    |                                  | Thủ công                      | Máy bơm                       |                              | Ô tô                        |
|           |                                           |                                    |                                  |                               | Động cơ xăng 3CV              | Động cơ điện 1,5KW           |                             |
| CX2.01.00 | Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào | <i>Vật liệu:</i>                   | m <sup>3</sup><br><br>công<br>ca | 0,5<br><br>0,145<br><br>0,065 | 0,5<br><br>0,072<br><br>0,065 | 0,5<br><br>0,09<br><br>0,081 | 0,5<br><br>0,10<br><br>0,03 |
|           |                                           | - Nước                             |                                  |                               |                               |                              |                             |
|           |                                           | <i>Nhân công:</i>                  |                                  |                               |                               |                              |                             |
|           |                                           | - Bạc thợ 3/7 nhóm II              |                                  |                               |                               |                              |                             |
|           |                                           | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> |                                  |                               |                               |                              |                             |
|           |                                           | - Máy bơm nước                     |                                  |                               |                               |                              |                             |
|           |                                           | - Ô tô tưới nước 5 m <sup>3</sup>  |                                  |                               |                               |                              |                             |
|           |                                           |                                    |                                  | <b>1</b>                      | <b>2</b>                      | <b>3</b>                     | <b>4</b>                    |

### CX2.02.00. Công tác thay hoa bồn hoa

*\* Thành phần công việc:*

- Khảo sát và lập phương án thay thế: kiểm tra hiện trạng bồn hoa, lựa chọn loài hoa trồng thay thế phù hợp theo mùa và phù hợp với cảnh quan đô thị.
- Chuẩn bị vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cây sau khi trồng đảm bảo phát triển sinh trưởng bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác        | Thành phần<br>hao phí      | Đơn vị | Định mức  |          |
|-----------|---------------------|----------------------------|--------|-----------|----------|
|           |                     |                            |        | Hoa giống | Hoa giỏ  |
| CX2.02.00 | Thay hoa bồn<br>hoa | <i>Vật liệu:</i>           |        |           |          |
|           |                     | - Hoa giống                | cây    | 2500      | -        |
|           |                     | - Hoa giỏ                  | giỏ    | -         | 1600     |
|           |                     | <i>Nhân công:</i>          |        |           |          |
|           |                     | - Bạc thợ 3,5/7<br>nhóm II | công   | 3,0       | 2,7      |
|           |                     |                            |        | <b>1</b>  | <b>2</b> |

### CX2.03.00. Phun thuốc trừ sâu bồn hoa

*\* Thành phần công việc:*

- Khảo sát khu vực cần phun: Xác định loại sâu bệnh hoặc dịch hại ảnh hưởng đến hoa. Xác định diện tích cần phun để tính toán lượng thuốc. Kiểm tra điều kiện thời tiết (không phun khi có mưa lớn, gió mạnh hoặc nắng quá gắt).
- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc: Chọn thuốc trừ sâu phù hợp, ưu tiên loại thân thiện với môi trường. Kiểm tra hạn sử dụng và chất lượng thuốc trước khi dùng. Kiểm tra máy phun, vòi phun đảm bảo hoạt động tốt.
- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Hướng vòi phun đúng cách, đảm bảo phủ đều cây nhưng không làm đọng nước quá nhiều trên lá.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn môi trường trong quá trình thực hiện.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác               | Thành phần hao phí                           | Đơn vị | Định mức |
|-----------|----------------------------|----------------------------------------------|--------|----------|
| CX2.03.00 | Phun thuốc trừ sâu bôn hoa | <i>Vật liệu:</i><br>- Thuốc trừ sâu          | lít    | 0,015    |
|           |                            | <i>Nhân công:</i><br>- Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 0,167    |

**CX2.04.00. Bón phân và xử lý đất bôn hoa**

*\* Thành phần công việc:*

- Kiểm tra chất lượng đất, xác định loại thuốc xử lý đất phù hợp.
- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- Bón đều phân vào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đất sau xử lý đảm bảo tơi xốp, không nén chặt.
- Sau khi bón phân, hoa phát triển tốt. Đảm bảo không gây mất mỹ quan đô thị và ô nhiễm môi trường.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác                  | Thành phần hao phí                           | Đơn vị | Định mức |
|-----------|-------------------------------|----------------------------------------------|--------|----------|
| CX2.04.00 | Bón phân và xử lý đất bôn hoa | <i>Vật liệu:</i><br>- Phân vi sinh           | kg     | 5,0      |
|           |                               | - Thuốc xử lý đất                            | kg     | 0,2      |
|           |                               | <i>Nhân công:</i><br>- Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 0,301    |

### CX2.05.00. Duy trì bồn cảnh

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cải tạo đất và bón phân: xới đất, bón phân vi sinh.
- Kiểm soát cỏ dại và sâu bệnh: Nhổ bỏ gốc cây xấu, nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn. Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Trồng dặm hoặc thay thế cây hoa theo mùa phù hợp với cảnh quan đô thị.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Bồn cảnh không còn sâu bệnh, cây phát triển tốt.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/năm*

| Mã hiệu   | Tên công tác     | Thành phần hao phí      | Đơn vị | Có hàng rào | Không hàng rào |
|-----------|------------------|-------------------------|--------|-------------|----------------|
| CX2.05.00 | Duy trì bồn cảnh | <i>Vật liệu:</i>        |        |             |                |
|           |                  | - Cây cảnh              | cây    | 320         | 480            |
|           |                  | - Phân vi sinh          | kg     | 8,5         | 12             |
|           |                  | - Thuốc trừ sâu         | lít    | 0,05        | 0,06           |
|           |                  | <i>Nhân công:</i>       |        |             |                |
|           |                  | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 17,73       | 22,31          |
|           |                  |                         |        | <b>1</b>    | <b>2</b>       |

### CX2.06.00. Duy trì cây hàng rào

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc.
- Bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cây hàng rào đảm bảo liên tục, không đứt đoạn, sắc nét, đảm bảo độ cao, chiều rộng theo thiết kế.

- Cây hàng rào lá xanh, không sâu bệnh, chân hàng rào không có rác, cỏ cây dại.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/năm*

| Mã hiệu   | Tên công tác            | Thành phần<br>hao phí                               | Đơn vị | Định mức            |                      |
|-----------|-------------------------|-----------------------------------------------------|--------|---------------------|----------------------|
|           |                         |                                                     |        | Hàng rào cao<br><1m | Hàng rào cao<br>≥ 1m |
| CX2.06.00 | Duy trì cây<br>hàng rào | <i>Vật liệu:</i><br><br>- Phân vi sinh              | kg     | 6,7                 | 6,7                  |
|           |                         | <i>Nhân công:</i><br><br>- Bạc thợ 3,5/7<br>nhóm II | công   | 12,15               | 19,3                 |
|           |                         |                                                     |        | <b>1</b>            | <b>2</b>             |

*Ghi chú: Diện tích tính toán theo diện tích mặt trên của hàng rào.*

### **CX2.07.00. Trồng dặm cây hàng rào**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo cây phát triển tốt.

*Đơn vị tính: 1m<sup>2</sup> trồng dặm/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác           | Thành phần hao phí | Đơn vị         | Số lượng |
|-----------|------------------------|--------------------|----------------|----------|
| CX2.07.00 | Trồng dặm cây hàng rào | <i>Vật liệu:</i>   |                |          |
|           |                        | - Cây giống        | bịch           | 25       |
|           |                        | - Nước             | m <sup>3</sup> | 0,15     |
|           |                        | - Phân vi sinh     | kg             | 3,6      |
|           |                        | <i>Nhân công:</i>  |                |          |

|  |  |                       |      |       |
|--|--|-----------------------|------|-------|
|  |  | Bậc thợ 3,5/7 nhóm II | công | 0,036 |
|--|--|-----------------------|------|-------|

### CX2.08.00. Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình

*\* Thành phần công việc:*

- Kiểm tra các thiết bị tưới, đảm bảo rằng các thiết bị hoạt động tốt, không bị hư hỏng hoặc tắc nghẽn.

- Vận chuyển dụng cụ, vật liệu đến nơi làm việc.

- Xác định lượng nước và thời gian tưới: Tính toán lượng nước phù hợp với từng loại cây, điều kiện thời tiết và yêu cầu cụ thể của từng khu vực. Lượng nước tưới không quá 5 lít/m<sup>2</sup>. Số lần tưới trung bình 96 lần/năm. Nước tưới lấy nguồn cung cấp tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước. Lựa chọn thời gian tưới phù hợp (*thường là vào sáng sớm hoặc chiều tối để tránh bốc hơi nước vào ban ngày*).

- Tiến hành tưới nước: Tưới đều nước ướt ẩm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật*

- Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước cần thiết cho cây sinh trưởng tốt.

*Đơn vị tính: 100m<sup>2</sup>/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác                                 | Thành phần hao phí                                                                           | Đơn vị         | Định mức |                  |                    |          |
|-----------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|------------------|--------------------|----------|
|           |                                              |                                                                                              |                | Thủ công | Máy bơm          |                    | Ô tô     |
|           |                                              |                                                                                              |                |          | Động cơ xăng 3CV | Động cơ điện 1,5KW |          |
| CX2.08.00 | Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình | <i>Vật liệu:</i><br>- Nước                                                                   | m <sup>3</sup> | 0,5      | 0,5              | 0,5                | 0,5      |
|           |                                              | <i>Nhân công:</i><br>- Bậc thợ 3/7 nhóm II                                                   | công           | 0,135    | 0,068            | 0,09               | 0,099    |
|           |                                              | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i><br>- Máy bơm nước<br>- Ô tô tưới nước<br>5 m <sup>3</sup> | ca             |          | 0,061            | 0,081              | 0,0297   |
|           |                                              |                                                                                              |                | <b>1</b> | <b>2</b>         | <b>3</b>           | <b>4</b> |

### **CX2.09.00. Duy trì cây cảnh trở hoa**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối, không để nặng tán, nghiêng ngả.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cây đảm bảo màu sắc tự nhiên, không rỗng chết, cây không bị sâu bệnh, đúng chủng loại, gốc cây không có rác.

*Đơn vị tính: 100cây/năm*

| Mã hiệu   | Tên công tác             | Thành phần hao phí      | Đơn vị | Định mức                |                      |
|-----------|--------------------------|-------------------------|--------|-------------------------|----------------------|
|           |                          |                         |        | Cây cảnh không tạo hình | Cây cảnh có tạo hình |
| CX2.09.00 | Duy trì cây cảnh trở hoa | <i>Vật liệu:</i>        |        |                         |                      |
|           |                          | - Phân vi sinh          | kg     | 40                      | 40                   |
|           |                          | - Thuốc trừ sâu         | lít    | 0,44                    | 0,44                 |
|           |                          | <i>Nhân công:</i>       |        |                         |                      |
|           |                          | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 46,35                   | 50,985               |

### **CX2.10.00. Trồng dặm cây cảnh trở hoa**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, trồng dặm cây cảnh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

*\*Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cây trồng được tháo bao có bầu và bầu đất không bị bể, cây phát triển tốt, không gãy thân, cành lá.

*Đơn vị tính: 100 cây*

| Mã hiệu   | Tên công tác       | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|-----------|--------------------|--------------------|--------|----------|
| CX2.10.00 | Trồng dặm cây cảnh | <i>Vật liệu:</i>   |        |          |



|  |         |                       |      |       |
|--|---------|-----------------------|------|-------|
|  | trở hoa | Cây giống             | cây  | 100,0 |
|  |         | Nhân công:            |      |       |
|  |         | Bậc thợ 3,5/7 nhóm II | công | 13,5  |

### CX2.11.00. Duy trì cây cảnh tạo hình

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa gọn gàng, cân đối không để nặng tán, nghiêng ngả. Sau khi cắt cây không bị trợ cành.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt.

*Đơn vị tính: 100cây/năm*

| Mã hiệu   | Tên công tác              | Thành phần hao phí      | Đơn vị | Định mức |
|-----------|---------------------------|-------------------------|--------|----------|
| CX2.11.00 | Duy trì cây cảnh tạo hình | <i>Vật liệu:</i>        |        |          |
|           |                           | - Phân vi sinh          | kg     | 40       |
|           |                           | - Thuốc trừ sâu         | lít    | 0,33     |
|           |                           | <i>Nhân công:</i>       |        |          |
|           |                           | - Bậc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 38,52    |

### CX2.12.00. Tưới nước cây cảnh trồng chậu

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ và thiết bị tưới: Kiểm tra các thiết bị tưới đảm bảo rằng các thiết bị hoạt động tốt, không bị hư hỏng hoặc tắc nghẽn.
- Xác định lượng nước tưới: Tính toán lượng nước tưới dựa trên điều kiện thời tiết, loại đất và loại cây cảnh. Lượng nước tưới không quá 3 lít/cây. Số lần tưới trung bình 90 lần/năm. Nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

\* *Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo đủ lượng nước tưới cho cây sinh trưởng tốt.

*Đơn vị tính: 100 chậu/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác                  | Thành phần hao phí                 | Đơn vị         | Định mức |                  |                    |          |
|-----------|-------------------------------|------------------------------------|----------------|----------|------------------|--------------------|----------|
|           |                               |                                    |                | Thủ công | Máy bơm          |                    | Ô tô     |
|           |                               |                                    |                |          | Động cơ xăng 3CV | Động cơ điện 1,5KW |          |
| CX2.12.00 | Tưới nước cây cảnh trồng chậu | <i>Vật liệu:</i>                   | m <sup>3</sup> | 0,3      | 0,3              | 0,3                | 0,3      |
|           |                               | - Nước                             |                |          |                  |                    |          |
|           |                               | <i>Nhân công:</i>                  |                |          |                  |                    |          |
|           |                               | - Bậc thợ 3/7 nhóm II              | công           | 0,099    | 0,0045           | 0,063              | 0,063    |
|           |                               | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> | ca             |          |                  |                    |          |
|           |                               | - Máy bơm nước                     |                |          | 0,0432           | 0,0585             |          |
|           |                               | - Ô tô tưới nước                   |                |          |                  |                    | 0,0198   |
|           |                               | 5 m <sup>3</sup>                   |                |          |                  |                    |          |
|           |                               |                                    |                | <b>1</b> | <b>2</b>         | <b>3</b>           | <b>4</b> |

*Ghi chú: Bảng mức của các công tác CX2.12.00 quy định đối với chậu có đường kính 0,6-0,8m; chậu có đường kính 0,4-0,5m thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số K=0,75; chậu có đường kính 0,3 m thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số K=0,35.*

### **CX2.13.00 Thay đất, phân chậu cảnh**

\* *Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- Cắt bớt rễ già, rễ hỏng của cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

\* *Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển tốt.

*Đơn vị tính: 100chậu/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác             | Thành phần hao phí      | Đơn vị | Định mức |
|-----------|--------------------------|-------------------------|--------|----------|
| CX2.13.00 | Thay đất, phân chậu cảnh | <i>Vật liệu:</i>        |        |          |
|           |                          | - Đất trồng cây         | m3     | 2,0      |
|           |                          | - Phân vi sinh          | kg     | 20,0     |
|           |                          | - Thuốc xử lý đất       | kg     | 10,0     |
|           |                          | <i>Nhân công:</i>       |        |          |
|           |                          | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 9,0      |

### **CX2.14.00 Duy trì cây cảnh trồng chậu**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt tia cảnh, bón phân vi sinh, nhổ cỏ dại, làm đất đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cây trong chậu không sâu bệnh, màu sắc tươi tự nhiên đặc trưng theo từng loại, không gãy cành, ngọn, không bị rách, vàng úa.
- Gốc cây không có cỏ dại và rác.

*Đơn vị tính: 100 chậu/năm*

| Mã hiệu   | Tên công tác                | Thành phần hao phí      | Đơn vị | Định mức |
|-----------|-----------------------------|-------------------------|--------|----------|
| CX2.14.00 | Duy trì cây cảnh trồng chậu | <i>Vật liệu:</i>        |        |          |
|           |                             | - Phân vi sinh          | kg     | 26,0     |
|           |                             | - Thuốc trừ sâu         | lít    | 0,33     |
|           |                             | <i>Nhân công:</i>       |        |          |
|           |                             | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 28,8     |

### **CX2.15.00. Trồng dặm cây cảnh trồng chậu**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, bón phân, trồng dặm cây cảnh, tưới nước bảo dưỡng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thực hiện công việc.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

\* *Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt.

*Đơn vị tính: 100 chậu trồng dặm*

| Mã hiệu   | Tên công tác                  | Thành phần hao phí      | Đơn vị | Định mức |
|-----------|-------------------------------|-------------------------|--------|----------|
| CX2.15.00 | Trồng dặm cây cảnh trồng chậu | <i>Vật liệu:</i>        |        |          |
|           |                               | - Cây giống             | cây    | 100      |
|           |                               | - Phân vi sinh          | kg     | 5,0      |
|           |                               | <i>Nhân công:</i>       |        |          |
|           |                               | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 9,0      |

#### **CX2.16.00 Thay chậu hỏng, vỡ**

\* *Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.

- Nhổ cây ra khỏi chậu bị hỏng, vỡ, chuyển sang trồng vào chậu mới, tưới nước bảo dưỡng.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

\* *Yêu cầu kỹ thuật:*

- Chậu mới không bị hỏng, vỡ, cây trồng trong chậu phát triển tốt.

*Đơn vị tính: 100 chậu/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác       | Thành phần hao phí      | Đơn vị | Định mức |
|-----------|--------------------|-------------------------|--------|----------|
| CX2.16.00 | Thay chậu hỏng, vỡ | <i>Vật liệu:</i>        |        |          |
|           |                    | - Chậu cảnh             | chậu   | 100      |
|           |                    | <i>Nhân công:</i>       |        |          |
|           |                    | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công   | 8,0      |

#### **CX2.17.00 Duy trì cây leo**

\* *Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.

- Làm cỏ xới gốc, rũ giàn, tưới nước. Tính toán lượng nước tưới dựa trên điều kiện thời tiết, loại đất và loại cây leo. Lượng nước tưới không quá 5 lít/cây. Số lần tưới trung bình 96 lần/năm.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cây leo phủ đều trên giàn, độ che phủ 2/3 giàn, cây không có cành khô.
- Lá xanh, tươi, không sâu bệnh, gốc cây không có rác, lá cây lưu cữu.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

*Đơn vị tính: 10 cây/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác    | Thành phần hao phí      | Đơn vị         | Định mức |
|-----------|-----------------|-------------------------|----------------|----------|
| CX2.17.00 | Duy trì cây leo | <i>Vật liệu:</i>        |                |          |
|           |                 | - Nước                  | m <sup>3</sup> | 0,05     |
|           |                 | - Phân vi sinh          | kg             | 0,067    |
|           |                 | <i>Nhân công:</i>       |                |          |
|           |                 | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II | công           | 0,108    |

**Phụ lục III**  
**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG TÁC**  
**DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Phân loại cây bóng mát:

| Cây bóng mát | Đặc điểm                                                              |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Mới trồng    | Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm                              |
| Loại 1       | Cây cao $\leq 6\text{m}$ và có đường kính gốc cây $\leq 20\text{ cm}$ |
| Loại 2       | Cây cao $\leq 12\text{m}$ và có đường kính gốc $\leq 50\text{ cm}$ .  |
| Loại 3       | Cây cao $> 12\text{m}$ hoặc có đường kính gốc $> 50\text{ cm}$ .      |

**CX3.01.00. Duy trì cây bóng mát mới trồng**

\* Thành phần công việc:

- Tưới nước ướt đầm gốc cây.
- Bón phân gốc cây, sửa tán, tạo hình và tẩy chồi, chống sửa cây nghiêng, vệ sinh quanh gốc cây đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

*Yêu cầu kỹ thuật:*

Cây có thân thẳng, cân tán, gọn tán, lá cây có màu xanh đặc trưng tùy từng loài; Cây không có cành vươn, cành trời mọc ở thân, cành lệch, tán không vót cao, cây không bị sâu bệnh.

*Đơn vị tính: 1cây/năm*

| Mã hiệu   | Tên công tác                   | Thành phần hao phí                 | Đơn vị         | Định mức |
|-----------|--------------------------------|------------------------------------|----------------|----------|
| CX3.01.00 | Duy trì cây bóng mát mới trồng | <i>Vật liệu:</i>                   |                |          |
|           |                                | - Nước                             | m <sup>3</sup> | 2,4      |
|           |                                | - Phân vi sinh                     | kg             | 6,0      |
|           |                                | - Cây chống fỉ 60                  | cây            | 3        |
|           |                                | - Dây kẽm 1 mm                     | kg             | 0,02     |
|           |                                | - Vật liệu khác                    | %              | 1,5      |
|           |                                | <i>Nhân công:</i>                  |                |          |
|           |                                | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II            | công           | 1,044    |
|           |                                | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> |                |          |
|           |                                | - Ô tô tưới nước 5m <sup>3</sup>   | ca             | 0,108    |

### CX3.02.00. Duy trì cây bóng mát

*\* Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- Lảy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện, tẩy chồi, chống sửa cây nghiêng, vệ sinh quanh gốc cây đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa cắt dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

*Đơn vị tính: 1 cây/năm*

| Mã hiệu   | Tên công tác         | Thành phần hao phí                | Đơn vị | Định mức   |            |            |
|-----------|----------------------|-----------------------------------|--------|------------|------------|------------|
|           |                      |                                   |        | Cây loại 1 | Cây loại 2 | Cây loại 3 |
| CX3.02.00 | Duy trì cây bóng mát | <i>Vật liệu:</i>                  |        |            |            |            |
|           |                      | - Sơn                             | kg     | 0,02       | 0,02       | 0,033      |
|           |                      | - Xăng                            | lít    | 0,014      | 0,014      | 0,0237     |
|           |                      | - Cây chống fỉ 60                 | cây    | 0,2        | -          | -          |
|           |                      | - Nẹp gỗ                          | cây    | 0,2        | -          | -          |
|           |                      | - Đinh                            | kg     | 0,005      | -          | -          |
|           |                      | <i>Nhân công:</i>                 |        |            |            |            |
|           |                      | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II           | công   | 0,405      | 2,55       | 5,21       |
|           |                      | <i>Xe, máy, thiết bị thi công</i> |        |            |            |            |
|           |                      | - Xe thang 12m                    | ca     | -          | 0,038      | -          |
|           |                      | - Xe thang 15m                    | ca     |            |            | 0,062      |
|           |                      | - Máy cưa gỗ cầm tay 1,3KW        | ca     | -          | 0,238      | 0,396      |
|           |                      |                                   |        | <b>1</b>   | <b>2</b>   | <b>3</b>   |

### **CX3.03.00. Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Tưới nước, phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh, làm cỏ tạp, dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ, trồng dặm cỏ, bón phân hữu cơ thảm cỏ, phòng trừ sâu cỏ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo cỏ trong bồn luôn phát triển tốt.
- Diện tích thảm cỏ bình quân 3m<sup>2</sup>/bồn.

*Đơn vị tính: 1 bồn/năm*

| <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên công tác</b>              | <b>Thành phần hao phí</b>          | <b>Đơn vị</b>  | <b>Định mức</b> |
|----------------|----------------------------------|------------------------------------|----------------|-----------------|
| CX3.03.00      | Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát | <i>Vật liệu:</i>                   |                |                 |
|                |                                  | - Nước                             | m <sup>3</sup> | 2,1             |
|                |                                  | - Cỏ giống                         | m <sup>2</sup> | 0,9             |
|                |                                  | - Phân vi sinh                     | kg             | 0,378           |
|                |                                  | - Thuốc xử lý đất                  | kg             | 0,06            |
|                |                                  | - Vôi bột                          | kg             | 1,8             |
|                |                                  | <i>Nhân công:</i>                  |                |                 |
|                |                                  | - Bạc thợ 3,5/7 nhóm II            | công           | 3,65            |
|                |                                  | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> |                |                 |
|                |                                  | - Ô tô tưới nước 5 m <sup>3</sup>  | ca             | 0,322           |
|                |                                  | - Máy cắt cỏ động cơ xăng 3CV      | ca             | 0,022           |

### **CX3.04.00 Giải toả cành cây gãy**

*\* Thành phần công việc:*

- Cảnh giới giao thông.
- Giải toả cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*



- Cây đảm bảo sinh trưởng và phát triển, trên cây không còn cành gãy.
- Đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

*Đơn vị tính: 1 cành/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác          | Thành phần hao phí                 | Đơn vị | Định mức        |                 |                 |
|-----------|-----------------------|------------------------------------|--------|-----------------|-----------------|-----------------|
|           |                       |                                    |        | Cành cây D≤20cm | Cành cây D≤50cm | Cành cây D>50cm |
| CX3.04.00 | Giải toả cành cây gãy | <i>Vật liệu:</i>                   |        |                 |                 |                 |
|           |                       | - Sơn                              | kg     | -               | 0,025           | 0,03            |
|           |                       | - Vật liệu khác                    | %      | -               | 1,5             | 1,5             |
|           |                       | <i>Nhân công:</i>                  |        |                 |                 |                 |
|           |                       | - Bậc thợ 3,5/7 nhóm III           | công   | 0,27            | 1,08            | 1,8             |
|           |                       | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> |        |                 |                 |                 |
|           |                       | - Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw         | ca     | 0,063           | 0,149           | 0,18            |
|           |                       | - Ô tô tự đổ 2,5T                  | ca     | 0,1             | 0,11            | 0,12            |
|           |                       | - Xe thang 12m                     | ca     |                 | 0,024           | 0,032           |
|           |                       |                                    |        | <b>1</b>        | <b>2</b>        | <b>3</b>        |

### **CX3.05.00. Giải toả cây gãy, đổ**

*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch, khảo sát hiện trường, thông báo cắt điện.
- Chuẩn bị dụng cụ lao động giao thông, cảnh giới giao thông.
- Giải toả cây đổ ngã, xử lý cành nhánh, thân cây, đào gốc, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km, san phẳng hố đào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo cho người và tài sản.

*Đơn vị tính: 1 cây/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức   |            |            |
|-----------|--------------|--------------------|--------|------------|------------|------------|
|           |              |                    |        | Cây loại 1 | Cây loại 2 | Cây loại 3 |
| CX3.05.00 | Giải toả cây | <i>Nhân công:</i>  |        |            |            |            |

|  |         |                                                                                                                                              |                            |                                |                               |                               |
|--|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|  | gậy, đồ | - Bậc thợ 3,5/7 nhóm III<br><i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i><br>- Xe cầu tự hành 2,5T<br>- Xe cầu tự hành 5T<br>- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw | công<br><br>ca<br>ca<br>ca | 2,97<br><br>0,211<br>-<br>0,27 | 6,3<br><br>-<br>0,236<br>1,12 | 13,5<br><br>-<br>0,36<br>2,25 |
|  |         |                                                                                                                                              |                            | <b>1</b>                       | <b>2</b>                      | <b>3</b>                      |

**CX3.06.00. Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn**

*\* Thành phần công việc:*

- Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cắt điện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cảnh giới giao thông.

- Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ.

- Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.

- Thu gom cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Đảm bảo cho người và tài sản.

*Đơn vị tính: 1 cây*

| Mã hiệu   | Tên công tác                                           | Thành phần hao phí                                                                                                | Đơn vị | Định mức   |            |            |
|-----------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------|------------|
|           |                                                        |                                                                                                                   |        | Cây loại 1 | Cây loại 2 | Cây loại 3 |
| CX3.06.00 | Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn | <i>Nhân công:</i><br>- Bậc thợ 3,5/7 nhóm III<br><i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i><br>- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw | công   | 2,92       | 11,43      | 19,35      |
|           |                                                        | - Xe thang 12m                                                                                                    | ca     | 0,5        | 1,48       | 2,97       |
|           |                                                        | - Xe thang 15m                                                                                                    | ca     | -          | 0,11       | -          |
|           |                                                        | - Xe cầu tự hành 2,5T                                                                                             | ca     | -          | -          | 0,23       |
|           |                                                        | - Xe cầu tự hành 5T                                                                                               | ca     | 0,282      | -          | -          |
|           |                                                        | - Cần trục ô tô 10T                                                                                               | ca     | -          | 0,8        | 1,24       |
|           |                                                        |                                                                                                                   |        |            | -          | 0,33       |
|           |                                                        |                                                                                                                   |        |            |            |            |

|   |   |   |
|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 |
|---|---|---|

*Ghi chú:*

1. *Cự ly vận chuyển cành lá, cây, gốc cây cho công tác CX3.04.00; CX3.05.00 và CX3.06.00 trung bình 30km về nơi quy định.*

2. *Bảng mức của các công tác CX3.04.00; CX3.06.00 áp dụng với xe, máy, thiết bị thi công là xe thang. Trường hợp sử dụng xe nâng thay cho xe thang thì hao phí định mức xe nâng xác định bằng hao phí định mức xe thang và nhân với hệ số điều chỉnh  $k=0,8$ .*

### **CX3.07.00. Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây**

*\* Thành phần công việc:*

- Khảo sát hiện trường, thông báo với các đơn vị có liên quan, liên hệ cắt điện.

- Chuẩn bị phương tiện, vật liệu, vật liệu phục vụ công tác thi công, bảo vệ cảnh giới an toàn.

- Cắt thấp tán cây, không chế chiều cao, tùy từng loại cây, từng loại cành cụ thể mà cắt sửa theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, không chế chiều cao.

- Tháo dỡ phụ sinh đeo bám ảnh hưởng đến sức sống cây trồng và mỹ quan đô thị.

- Thu dọn cành, lá cây, thu gom chuyển về vị trí theo quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị lệch tán, cây gọn tán, nhẹ tán, đảm bảo mỹ thuật.

- Hạn chế cây đổ, cành gãy đảm bảo cho người và tài sản.

*Đơn vị tính: 1 cây/lần*

| Mã hiệu   | Tên công tác                          | Thành phần hao phí                                   | Đơn vị | Định mức   |            |            |
|-----------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|--------|------------|------------|------------|
|           |                                       |                                                      |        | Cây loại 1 | Cây loại 2 | Cây loại 3 |
| CX3.07.00 | Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây | <i>Vật liệu:</i><br>- Sơn                            | kg     | 0,027      | 0,027      | 0,09       |
|           |                                       | <i>Nhân công:</i><br>- Bậc thợ 3,5/7 nhóm III        | công   | 0,91       | 1,36       | 4,53       |
|           |                                       | <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i><br>- Xe thang 12m | ca     | 0,135      | 0,18       |            |

|  |  |                            |    |          |          |          |
|--|--|----------------------------|----|----------|----------|----------|
|  |  | - Xe thang 15m             | ca | -        | -        | 0,6      |
|  |  | - Ôtô tự đổ 5T             | ca | 0,059    | 0,09     | 0,29     |
|  |  | - Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw | ca | 0,105    | 0,16     | 0,54     |
|  |  |                            |    | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>3</b> |

*Ghi chú: Cự ly vận chuyển cành, lá cây công tác CX3.07.00 trung bình 30km về nơi quy định.*

### **CX3.08.00. Quét vôi gốc cây**

*\* Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vôi và a dao.
- Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

*\* Yêu cầu kỹ thuật:*

Đảm bảo vôi bám kín xung quanh bề mặt vị trí quét.

*Đơn vị tính: 1 cây*

| Mã hiệu   | Tên công tác     | Thành phần hao phí    | Đơn vị | Định mức   |            |            |
|-----------|------------------|-----------------------|--------|------------|------------|------------|
|           |                  |                       |        | Cây loại 1 | Cây loại 2 | Cây loại 3 |
| CX3.08.00 | Quét vôi gốc cây | <i>Vật liệu:</i>      |        |            |            |            |
|           |                  | - Vôi                 | kg     | 0,16       | 0,57       | 1,14       |
|           |                  | - A dao               | kg     | 0,003      | 0,011      | 0,022      |
|           |                  | <i>Nhân công:</i>     |        |            |            |            |
|           |                  | - Bạc thợ 3/7 nhóm II | công   | 0,03       | 0,05       | 0,113      |
|           |                  |                       |        | <b>1</b>   | <b>2</b>   | <b>3</b>   |